TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 158/2018/HNGĐ-ST Ngày 30-11-2018 V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Hưng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buoân Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mười Hiền – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 696/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2018 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1989 - Có mặt

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã V huyện T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Phan Thanh B, sinh năm 1982 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Chị P kết hôn với anh B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm bất đồng, anh B không

lo tu chí làm ăn mà còn bài bạc, chị P đã khuyên nhủ nhiều nhưng anh B không nghe, đã nhiều lần vợ chồng ly thân mỗi người một nơi, sau đó vì con cái quay về nhưng mâu thuẫn không khắc phục được nên sống ly thân từ 6/2018 tới nay. Nay chị P nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên chị P xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị P có hai con chung là Phan Thị Bảo V, sinh 19/9/2009 và Phan Đức N, sinh 01/7/2015. Từ khi ly thân đến nay hai cháu do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị P xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi thành niên. Chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Hiện chị P hiện đang làm tư vấn đất đai tại Bình Dương, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: không có .

Quá trình tham gia tố tụng anh Phan Thanh B trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như chị P trình bày ở trên là đúng. Nay anh B nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể cải thiện vì đã ở mức trầm trọng kéo dài nên anh B cũng xin được ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng anh B có 02 con chung là Phan Thị Bảo V, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Đức N, sinh ngày 01/7/2015, hiện cả hai cháu đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh B xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, còn để Chị P nuôi cháu V. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hiện nay anh B đang làm nghề sơn xe du lịch cho tiệm của anh trai anh B, thu nhập mỗi tháng trung bình từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung và công nợ: Không có

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P: Cho chị P được ly hôn với anh B; Giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma

Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự..

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy taïi điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Phan Thanh B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/7/2010; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật B vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân chị P – anh B thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh B không lo tu chí làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai bên đều không tìm được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau. Chị P xin ly hôn và anh B cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị P; đây là sự tự nguyện của hai bên nên cần ghi nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị P – anh B có hai con chung là Phan Thị Bảo V, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Đức N, sinh ngày 01/7/2015. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân cả hai cháu V và Nđều do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian hai cháu sống với chị P, anh B không có trách nhiệm, tiền bạc đóng góp để chị P nuôi các cháu, nhưng chị P vẫn nuôi hai cháu ăn học, khỏe mạnh, cháu V xin được ở với chị P; Do đó để đảm bảo việc ăn ở học hành ổn định cho các cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị P là giao cả hai con chung là V và N cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị P và anh B đều xác định không có nên không yêu cầu giải quyết .

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 .

Căn cứ: Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị P và anh Phan Thanh B.

2.Về nuôi con chung:

Giao hai con chung là Phan Thị Bảo V, sinh ngày 19/9/2009 và Phan Đức N, sinh ngày 01/7/2015 cho chị Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Phan Thanh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở .

3. Về chia tài sản: Các đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị Phương V đã nộp thay chị Phương tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lại thu tiền số: 0001056 ngày 09/8/2017.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND p.Tân Lập, Tp.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Dư